

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/10

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Kollidon® 30 Origin Germany

Sử dụng: Polymer, tá dược bào chế

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định. Sản phẩm không có chứa chất có đặc tính PBT (Bền/Tích lũy sinh học/ Độc) hoặc vPvB (Rất bền/ Tích lũy sinh học cao). Sản phẩm không

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

chứa chất vượt quá giới hạn pháp lý có trong danh sách được thiết lập theo Điều 59(1) của Quy định (EC) số 1907/2006 về việc có đặc tính gây rối loạn nội tiết hoặc được xác định là có đặc tính phá vỡ nội tiết tương ứng với các tiêu chí đặt ra trong Quy định do Ủy ban (EU)2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban (EU)2018/605.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

2-Pyrrolidinone, 1-ethenyl-, homopolymer
Số CAS: 9003-39-8

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột, bột khô, cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:
carbon dioxide, các oxit nitơ
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Tránh bụi. Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Dọn sạch/ xúc sạch.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi.

Thông tin bổ sung: Tránh sự hình thành và tích tụ bụi - nguy cơ nổ bụi. Bụi ở nồng độ đủ có thể dẫn đến hỗn hợp nổ trong không khí. Xử lý để giảm thiểu bụi và loại bỏ ngọn lửa hở và các nguồn gây cháy khác. Tránh phát tán bụi trong không khí (ví dụ như dùng khí nén để làm sạch bụi trên bề mặt...)

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Tránh bụi.

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và giữ khô ráo.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
 Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Bảo vệ tay:
 Đeo găng tay bảo vệ chống hóa chất.

Bảo vệ mắt:
 Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:
 Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:
 Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	bột
Màu sắc:	Màu trắng đến màu kem
Mùi:	gần như không mùi
Ngưỡng mùi:	không được xác định
Giá trị pH:	3 - 5 (10 %(m), 20 °C)
bắt đầu nóng chảy:	131 °C
Điểm sôi:	Chất / sản phẩm phân hủy. không áp dụng
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao (VDI 2263, tờ 1, 1.1)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
Phân hủy do nhiệt:	400 °C (DDK (DIN 51007)) Chất không có khả năng tự phân hủy.
	400 °C , > 210 kJ/kg (DDK (DIN 51007))

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
 Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Khả năng tự gia nhiệt:	Sản phẩm có khả năng tự gia nhiệt, được phân loại theo qui định vận tải nhóm 4.2 Dựa trên các kết quả thí nghiệm, bao bì đóng gói < 3m ³ được không cần phải phân loại.
SADT:	Hóa chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	10 - 30 mJ (VDI 2263, tờ 1, 2.5) (1,013 hPa, 20 °C) Tính cảm ứng: 1 mH
Nguy cơ nổ:	Sản phẩm có thể nổ bụi. Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan
Áp suất hơi:	bị chảy nhỏ giọt
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	400 - 600 kg/m ³
Tỷ trọng hơi (không khí):	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.
Tính tan trong nước:	có thể hòa tan hoàn toàn
Phép nghiệm ẩm:	hút ẩm
Độ hoà tan (định tính) (các dung môi):	các dung môi hữu cơ hoà tan
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không được xác định
Tính nhớt, động học:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
 Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: 400 °C (DDK (DIN 51007))
 Chất không có khả năng tự phân huỷ.

Phân huỷ do nhiệt: 400 °C, > 210 kJ/kg (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:
 các chất kiềm mạnh

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:
Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Các đường phơi nhiễm

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): > 2,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 5.2 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải.

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không gây kích ứng da. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm Draize)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm Draize)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Không có sẵn các dữ liệu.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Không có đột biến chất trong các cuộc nghiên cứu động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Các nghiên cứu lâu dài trên động vật không nhận thấy bất cứ tác nhân ung thư nào khi chất được cho vào thức ăn với liều lượng cao.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Không có sẵn các dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

Không có sẵn các dữ liệu.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:
Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sự kìm hãm quá trình phân hủy của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:
LC50 (96 h) > 10,000 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tĩnh điện)

Vì sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:
EC20 (0.5 h) > 1,995 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp (Hướng dẫn OECD 209, hiếu khí)

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Không có sẵn các dữ liệu.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:
< 10 % giảm DOC (15 d) (Hướng dẫn OECD 302 B) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp) Loại bỏ kém khỏi nước.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
 Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, polyme không có giá trị về mặt sinh học. Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

13. Thông tin về thải bỏ

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID:	UN 3088
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	4.2
Nhóm đóng gói:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

Vận tải đường thủy

IMDG	
Số UN hoặc số ID:	UN 3088
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	4.2
Nhóm đóng gói:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	EmS: F-A; S-J Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

Sea transport

IMDG	
UN number or ID number:	UN 3088
UN proper shipping name:	SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER)
Transport hazard class(es):	4.2
Packing group:	III
Environmental hazards:	no
Special precautions for user:	Marine pollutant: NO EmS: F-A; S-J Not dangerous goods of class 4.2 in packages up to 3000 litres capacity.

Vận tải hàng không

Air transport

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
 Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

IATA/ICAO Số UN hoặc số ID:	UN 3088	IATA/ICAO UN number or ID number:	UN 3088
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1- ETHENYL-2- PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER)	UN proper shipping name:	SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1- ETHENYL-2- PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	4.2	Transport hazard class(es):	4.2
Nhóm đóng gói:	III	Packing group:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không cần đánh dấu là nguy hiểm cho môi trường	Environmental hazards:	No Mark as dangerous for the environment is needed
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.	Special precautions for user:	Not dangerous goods of class 4.2 in packages up to 3000 litres capacity.

Thông tin bổ sung

Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có).
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022
Sản phẩm: **Kollidon® 30 Origin Germany**

Phiên bản: 8.0

(30034974/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.